TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **406**/2018/DS-ST;
Ngày: 13/11/2018;
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Xuân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hoa Kiều**

Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **NGUYỄN THỊ TUYẾT P** – sinh năm 1968.

Địa chỉ: số 372 Ô 1, khu II, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: **NGUYỄN THỊ HUỲNH N** - sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **BÙI THỊ BÉ N** – sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N và bà N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết P và người đại diện ủy quyền chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

Ngày 30/7/2014 bà P có cho bà Bé N vay số tiền 80.000.000 đồng, hai bên có lập biên nhận do bà Bé N viết và ký tên, thỏa thuận mỗi tháng bà Bé N trả

1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đến năm 2017 bà Bé N có trả cho bà P 10.000.000 đồng, đến tháng 9/2018 bà Bé N trả thêm cho bà P 4.000.000 đồng, hiện bà Bé N còn nợ bà P số tiền 66.000.000 đồng. Bà P nhiều lần yêu cầu bà Bé N trả tiền nhưng bà Bé N chỉ hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay bà Nguyễn Thị Tuyết P khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Bé N có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền 66.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn Bùi Thị Bé N tình bày:

Trước đây bà có vay tiền bà P nhiều lần, đến ngày 30/7/2014 bà và bà P có tổng kết nợ với số tiền cả vốn và lãi là 80.000.000 đồng, bà có ký biên nhận nợ cho bà P và thỏa thuận sẽ trả cho bà P mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đến năm 2017 bà có trả cho bà P số tiền 10.000.000 đồng, đến tháng 9/2018 bà có trả thêm 4.000.000 đồng. Hiện bà còn nợ bà P số tiền 66.000.000 đồng, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà không có khả năng trả 66.000.000 đồng làm một lần, bà xin được trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đại diện ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là "Hợp đồng vay tài sản".

Tại phiên tòa, chị N rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị N rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết P, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị Tuyết P có cho bà Bùi Thị Bé N vay số tiền 80.000.000 đồng vào ngày 30/7/2014, bà N có viết và ký tên và biên nhận, hai bên không có thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận mỗi tháng bà N trả cho bà P 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng bà N không thực hiện; đến năm 2017 bà N có trả cho bà P 10.000.000 đồng, đến tháng 9/2018 bà N có trả thêm 4.000.000 đồng và tháng 11/2018 bà N có trả thêm 6.000.000 đồng, tổng cộng là 20.000.000 đồng thì ngưng nên bà P khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền 60.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị Tuyết P có cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ ngày 30/7/2014 do bà N viết và ký tên. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa bà P và bà N đã xác lập một hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Tại biên bản hòa giải bà N thừa nhận chữ viết và chữ ký trong biên nhận là của bà N và thừa nhận còn nợ bà P số tiền 60.000.000 đồng. Phía bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc bà Năm có trách nhiệm trả nợ cho bà P. Do

đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc bà N trả cho bà P số tiền 60.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu bà N trả tiền lãi.

Về thời gian trả: Xét yêu cầu của bà N xin trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 60.000.000 đồng không được phía đại diện ủy quyền của bà P đồng ý và bà N đã nợ bà P số tiền 60.000.000 đồng quá lâu làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà P, nên Hội đồng xét xử buộc bà N trả cho bà P số tiền 60.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết P được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà Bùi Thị Bé N phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết P đối với số tiền 10.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết P.

Buộc bà Bùi Thị Bé N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết P số tiền 60.000.000 đồng *(Sáu mươi triệu đồng)*. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Tuyết P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Bùi Thị Bé N không trả số tiền trên thì hàng tháng bà N phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Bùi Thị Bé N phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Tuyết P 1.750.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0015141 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Báo đại diện ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản ánđược thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG ;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- TAND tỉnh TG;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Xuân